TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Miện, ngày 16 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông **An Văn Khoái.**

Thư ký phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Hùng** -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Lê Thị Thuỷ** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-VDS ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2019/QĐST-VDS ngày 04 tháng 4 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Giang Thị Thía** – Chủ tịch Hội LHPN huyện Thanh Miện.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thía: Bà **Nguyễn Thị Khánh** - Phó Chủ tịch Hội LHPN huyện Thanh Miện.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1975 và chị **Lê Thị Đ**, sinh năm: 1980.

ĐKHKTT đều ở: Thôn AN, xã TC, huyện TM, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

+ **UBND xã TC, huyện TM, tỉnh HD**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Tiến L** – Chủ tịch UBND xã TC, huyện TM, tỉnh HD.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình kiểm tra lý lịch của hội viên hội phụ nữ xã TC, huyện TM, tỉnh HD và qua tìm hiểu các tài liệu hồ sơ lưu giữ tại UBND xã TC như: Sổ đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu, sổ theo dõi khai sinh. Ban chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Thanh Miện phát hiện trường hợp: Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 20/9/1975 và chị Lê Thị Đ, sinh ngày 18/4/1980 hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn AN, xã TC, huyện

TM, tỉnh HD kết hôn năm 1996 thể hiện tại số 69, ngày 30 tháng 10 năm 1996 (sổ theo dõi đăng ký kết hôn năm 1996) là trái pháp luật. Vì thời điểm này chị Đ mới được 16 tuổi, 06 tháng 12 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo điều 5 luật hôn nhân gia đình năm 1986 "Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên"mới đủ tuổi đăng ký kết hôn, để có thể kết hôn anh Q và chị Đ đã tự khai chị Đ tăng tuổi lên sinh năm 1978 và đã được cán bộ đăng ký kết hôn xã TC, huyện TM đăng ký kết hôn và ghi năm sinh của chị Đ là sinh năm 1978. Vì vậy Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ huyện TM đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy đăng ký kết hôn của anh Q và chị Đ năm 1996).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Q và chị Đ trình bày: Anh Chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn. Tuy nhiên vào thời điểm tháng 10 năm 1996, chị Đ chưa đủ tuổi kết hôn để được kết hôn tại UBND xã TC anh và chị Đ đã khai chị Đ sinh năm 1978 nên đã được đăng ký kết hôn tại số 69 ngày 30 tháng 10 năm 1996. Anh Q và chị Đ đã nhận thấy việc khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn là sai trái vi phạm pháp luật. Việc Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ huyện TM yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy đăng ký kết hôn cho anh chị năm 1996) anh chị đồng ý và không có ý kiến gì. Tuy nhiên sau khi đăng ký kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì, anh chị đã sinh được 02 người con gồm: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997 và Nguyễn Thành L, sinh năm 2001. Nên anh Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông Vũ Tiến L- Chức vụ chủ tịch UBND xã TC, huyện TM, tỉnh HD - là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trình bày: UBND xã đã nhận thấy việc đăng ký kết hôn cho anh Q và chị Đ vào ngày 30 tháng 10 năm 1996 là trái pháp luật. Vì thực tế và các tài liệu chứng minh chị Lê Thị Đ sinh ngày 18/4/1980 nhưng do chị Đ khai sinh năm 1978 và việc kiểm tra hồ sơ lý lịch của cán bộ đăng ký kết hôn (Ông Vương Quốc C - Phó chủ tịch UBND xã TC lúc đó là người trực tiếp đăng ký, hiện tại ông Chuyên đã chết) đã không kiểm tra hồ sơ, lý lịch của chị Đua kỹ lưỡng vì vậy đã đăng ký kết hôn khi chị Đua mới được hơn 16 tuổi là vi phạm. UBND xã sẽ rút kinh nghiệm với cán bộ làm công tác tư pháp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ để đăng ký kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự : Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 ; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 370, 371 Bộ luật tố

tụng dân sự ; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số : 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu của Hội LHPN huyện TM, tỉnh HD. Tuyên huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Q và chị Đ. Huỷ Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 30/10/1996 cấp cho anh Q và chị Đ của UBND xã TC.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị Đ kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

- Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị Đ đều có hộ khẩu thường trú tại thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Ban chấn hành Hội liên hiệp phụ nữ huyện TM phát hiện anh Q chị Đ kết hôn trái pháp luật đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy chứng nhân đăng ký kết hôn của anh Q và chị Đ năm 1996) đồng thời trong quá trình giải quyết anh Q và chị Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ theo Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 ; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Q và chị Đ năm 1996) của Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ huyện TM và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Q và chị Đ kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Thứ nhất: Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân của chị Đ đã có đủ căn cứ chứng minh chị Lê Thị Đ sinh ngày 18/4/1980 vào tháng 10 năm 1996 chị đăng ký kết hôn với anh Q nhưng vì chưa đủ tuổi nên anh chị đã tự khai tăng tuổi (từ 1980 lên 1978) để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch cán bộ đăng ký kết hôn là ông Vương Quốc C - Phó chủ tịch UBND xã TC đã đăng ký kết hôn cho anh Q và chị Đ tại giấy chứng nhận kết hôn, sổ theo dõi kết hôn năm 1996 thể hiện ở số 69 ngày 30/10/1996 đã đăng ký kết hôn cho anh Q và chị Đ và ghi anh Q sinh năm 1975 còn chị Đ sinh năm 1978. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 luật hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy Ban chấp hành Hội liên

hiệp phụ nữ huyện TM yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo giấy chứng nhận kết hôn của anh Q và chị Đ năm 1996) là có căn cứ chấp nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 ; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi đăng ký kết hôn anh Q và chị Đ đã chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung gồm Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997 và Nguyễn Thành L, sinh năm 2001. Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị Đ không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn tòa tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- Hội LHPN huyện TM, tỉnh HD không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh Q, chị Đ có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 ; khoản 6 điều 3, Điều 8, 10, 11, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ban Chấp hành Hội LHPN huyện TM, tỉnh HD, hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69 ngày 30 tháng 10 năm 1996 của UBND xã TC, huyện TM, tỉnh HD cấp cho anh Q và chị Đ; Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị Đ.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1975 và chị **Lê Thị Đ**, sinh năm: 1980; ĐKHKTT đều ở: Thôn AN, xã TC, huyện TM, tỉnh HD kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (ngày 19/4/1997).

Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị Đ có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí:

- Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chịu cả số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0002 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ huyện TM, Anh Q, chị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định, UBND xã TC có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được thông báo niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hánh án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TC;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

An Văn Khoái